ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4703 /UBND-KTTH	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 10 năm 2014*
Về việc đề nghị bổ sung chương trình hỗ trợ có mục tiêu của kế hoạch năm 2015	

HỎA TỐC

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 6743
Ngày: 14/10/14
Chuyển:

Kính gửi:
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Từ năm 2011 đến nay, Quảng Ngãi được xem là tỉnh có điều tiết về ngân sách Trung ương nên Trung ương cắt giảm một số Chương trình hỗ trợ có mục tiêu theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho tỉnh. Tuy nhiên, tại Thông báo số 401/TB-VPCP ngày 08/10/2014 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính Phủ đã đồng ý từ năm 2015 cho tỉnh Quảng Ngãi được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương theo mức hỗ trợ các tỉnh có bổ sung cân đối ngân sách địa phương dưới 50%.

Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát các chương trình theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg; kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đưa vào kế hoạch năm 2015 *(tất cả những chương trình này tỉnh đã đưa vào Báo cáo số 154/BC-UBND, ngày 23/7/2014 và đã làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư vào cuối tháng 7)*, cụ thể như sau:

I. Các Chương trình trong Quyết định 60/2010/QĐ-TTg nhưng tỉnh Quảng Ngãi không có do là tỉnh điều tiết ngân sách về Trung ương

1. Chương trình bố trí dân cư tập trung vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg:

Từ năm 2011 đến nay, tỉnh được Trung ương đầu tư Chương trình di dân, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 33/2007/QĐ-TTg mà chưa được đầu tư từ Chương trình bố trí di dân, định canh, định cư theo Quyết định 193/2006/QĐ-TTg (nay là Quyết định 1776/QĐ-TTg). Do đó, đề nghị Trung ương đưa vào kế hoạch năm 2015 cho chương trình này là 12 dự án, tổng mức đầu tư là 24,5 tỷ đồng và nhu cầu vốn năm 2015 là 24,5 tỷ đồng.

2. Chương trình phát triển và bảo vệ rừng bền vững: Từ năm 2011 đến nay, Chương trình trồng và bảo vệ rừng (661) của tỉnh Quảng Ngãi không được Trung ương cấp vốn, nguồn vốn ngân sách địa phương bố trí hàng năm

chỉ khoảng 10 tỷ đồng, không đáp ứng được yêu cầu công tác bảo vệ và phát triển rừng. Để thực hiện đạt mục tiêu phát triển và bảo vệ rừng, nhu cầu vốn khoảng 85,5 tỷ đồng, đề nghị bố trí kế hoạch vốn năm 2015 là 25 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý: Số dự án đang sử dụng vốn ODA do tỉnh quản lý là 12 dự án, nhu cầu vốn đối ứng năm 2015 là 65 tỷ đồng, đề nghị Trung ương bố trí kế hoạch năm 2015 là 53 tỷ đồng.

4. Hỗ trợ đầu tư trung tâm giáo dục, lao động xã hội: Dự án Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội (giai đoạn III) đã được phê duyệt từ năm 2011 nhưng chưa được bố trí vốn thực hiện đầu tư, tổng mức đầu tư là 5,6 tỷ đồng, kính đề nghị Trung ương hỗ trợ thực hiện trong kế hoạch năm 2015.

5. Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh: Với dân số là 1,3 triệu dân nhưng toàn tỉnh chỉ có 01 bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, không có bệnh viện chuyên khoa. Để phục vụ tốt hơn cho công tác khám chữa bệnh, phục vụ nhân dân, tỉnh đã triển khai thực hiện dự án Bệnh viện Sản Nhi với tổng mức đầu tư là 447 tỷ đồng, thực hiện bằng nguồn vốn Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng và vốn ngân sách tỉnh. Do nhu cầu vốn lớn và để sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, kính đề nghị bố trí bổ sung từ chương trình này cho dự án kế hoạch năm 2015 là 30 tỷ đồng.

6. Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở UBND cấp xã: Hiện nay toàn tỉnh còn hơn 40 trụ sở xã, phường, thị trấn xuống cấp nghiêm trọng, cần được đầu tư nâng cấp để đáp ứng yêu làm việc. Vì vậy, kính đề nghị đưa vào kế hoạch năm 2015 là 10 công trình với tổng mức đầu tư là 66,8 tỷ đồng, nhu cầu vốn năm 2015 là 32,5 tỷ đồng.

7. Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi: từ năm 2011 đến nay, tỉnh không được Trung ương đầu tư chương trình này, trong điều kiện nguồn lực của tỉnh còn nhiều khó khăn nên việc bố trí vốn hạn chế, do đó chưa đáp ứng được yêu cầu cải tạo giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi để hỗ trợ nông dân cải thiện năng suất trong nông nghiệp. Vì vậy, đề nghị Trung ương bố trí kế hoạch năm 2015 cho 2 dự án với nhu cầu vốn là 6,7 tỷ đồng *(riêng giống thủy sản bố trí từ chương trình phát triển thủy sản theo Nghị định 67)*.

8. Chương trình nhà ở cho người nghèo theo Quyết định 167: Năm 2012 chương trình này được Trung ương bố trí 35 tỷ đồng và các năm sau thì dừng bố trí. Hiện nay toàn tỉnh vẫn còn rất nhiều hộ nghèo cần được hỗ trợ xây dựng nhà ở, vì vậy đề nghị Trung ương tiếp tục cho thực hiện chương trình và bố trí kế hoạch vốn năm 2015 cho tỉnh là 60 tỷ đồng.

II. Các Chương trình theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg tỉnh Quảng Ngãi được hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ thấp do tỉnh có điều tiết

1. Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang và nâng cấp hệ thống đê sông: Theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg

và trong thông báo kế hoạch vốn hàng năm, phần Trung ương hỗ trợ cho tỉnh Chương trình này chỉ có 50% tổng mức đầu tư, đề nghị điều chỉnh là hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư (là tỉnh nhận bổ sung từ ngân sách Trung ương) cho dự án chuyển tiếp là Đê kè Hòa Hà.

2. Chương trình khu neo đậu tránh bão cho tàu thuyền: Thực hiện 01 dự án chuyển tiếp là Vũng neo đậu tàu thuyền huyện đảo Lý Sơn giai đoạn 2, đã Thủ tướng Chính phủ chấp thuận hỗ trợ 100% tổng mức đầu tư. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh cơ cấu trong kế hoạch vốn giao hàng năm cho tỉnh.

3. Chương trình nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo đông dân cư: Thực hiện dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt đảo Lý Sơn (giai đoạn 2). Theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg thì dự án thuộc chương trình này chỉ được hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư. Nhưng đây là dự án đầu tư trên địa bàn huyện Lý Sơn nên đề nghị điều chỉnh lại phần hỗ trợ của ngân sách Trung ương là 100%.

4. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch: Chương trình này tỉnh đang được Trung ương hỗ trợ thực hiện đầu tư 02 dự án chuyển tiếp *(Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nối dài), Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)).* Theo Quyết định 60/2010/QĐ-UBND và văn bản thẩm định vốn của Trung ương, phần vốn Trung ương chỉ hỗ trợ cho dự án **50% tổng dự toán xây lắp** (đối với tỉnh có điều tiết), đề nghị điều chỉnh lại là **80% tổng dự toán xây lắp** (đối với tỉnh nhận bổ sung từ ngân sách trung ương theo quy định tại Quyết định 60).

III. Các Chương trình mới được bổ sung

1. Hỗ trợ đầu tư huyện mới tách: Huyện Sơn Tịnh không phải là huyện mới tách nhưng đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhất trí đưa vào kế hoạch 2015 hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương như huyện mới tách. Đề nghị hỗ trợ vốn đầu tư để thực hiện 02 dự án là đường trục chính và trung tâm hành chính huyện, nhu cầu vốn năm 2015 khoảng 100 tỷ đồng.

2. Hỗ trợ đầu tư Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020: Dự án này đã được Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ cho ứng trước kế hoạch năm 2015 để thực hiện năm 2014 là 30 tỷ đồng, đề nghị tiếp tục bố trí kế hoạch năm 2015 là 113 tỷ đồng để thực hiện (thực hiện hoàn thành giai đoạn 1 Đầu tư cấp bách điện nông thôn đến năm 2015).

3. Hỗ trợ đầu tư huyện đảo Lý Sơn theo cơ chế đặc thù: Ngày 15/9/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Tờ trình số 6202/TTr-BKHĐT trình Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển huyện đảo Lý Sơn, giai đoạn đến năm 2015 tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp của một số chương trình như Khu neo đậu trú bão cho tàu thuyền, chương trình biển đông hải đảo. Đồng thời tỉnh đề nghị Trung ương bố trí riêng 01 mục cho cơ chế

đặc thù đảo Lý Sơn để đưa các dự án mới như Cảng Bến Đình, Các tuyến đê huyện đảo Lý Sơn và một số tuyến đường trung tâm huyện.

4. Hỗ trợ đầu tư theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP: Nội dung này tỉnh đã có văn số 4273/UBND-NNTN đăng ký nhu cầu vốn cho chương trình giai đoạn 2015-2020. Đề nghị Trung ương đưa vào danh mục kế hoạch năm 2015 để tỉnh sớm triển khai thực hiện chương trình.

5. Hỗ trợ sửa chữa, đảm bảo an toàn hồ chứa: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 32 hồ chứa nước bị hư hỏng xuống cấp nặng, cần thực hiện ngay biện pháp công trình để đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ nhưng do nguồn vốn ngân sách địa phương hạn chế nên chưa có khả năng cân đối để khắc phục những hư hỏng tại các công trình này.

Trong điều kiện ngân sách tỉnh còn khó khăn, để có kinh phí kịp thời sửa chữa, nhằm đảm bảo an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ đối với các hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng, kính đề nghị Trung ương quan tâm, xem xét bố trí kế hoạch năm 2015 cho chương trình này với nhu cầu vốn là 85 tỷ đồng.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét phân bổ kế hoạch năm 2015 các chương trình trên cho tỉnh. Tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện các thủ tục về thẩm định vốn cho các dự án khởi công mới theo quy định.

Kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét chấp thuận./.

(Chi tiết có biểu số 1, số 2 và số 3 kèm theo)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở NN và PTNT;
- VPUB: C,PVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT. P.KTTH. Vy427.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Viết Chữ

Biểu số 1

KẾ HOẠCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW NĂM 2015

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH TRONG QUYẾT ĐỊNH 60/2010/QĐ-TTG - TỈNH QUẢNG NGÃI CHƯA ĐƯỢC HỖ TRỢ DO LÀ TỈNH CÓ ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 4443/UBND-KTTH ngày 14 /10/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
						TMĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
	TỔNG SỐ					934.705	362.840	117.215	67.215	333.236	236.700	0	2.700	
I	Chương trình bố trí dân cư tập trung vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng theo QĐ số 1776/QĐ-TTg					24.500	24.500	0	0	24.500	24.500			
	Các dự án khởi công mới năm 2015													
	Dự án nhóm C													
1	Hệ thống điện sinh hoạt điểm TĐC Thạch Bích	Trà Bình, Trà Bồng	1 công trình	2015		1.200	1.200			1.200	1.200			
2	Hoàn thiện hạ tầng Khu TĐC Mangpo	Sơn Ba, Sơn Hà	1.300m	2015		3.700	3.700			3.700	3.700			

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
(1)	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015*					*14.101*	-	*5.903*	*5.903*	*2.454*	*2.809*			
	Dự án nhóm B													
2	Phát triển ngành Lâm nghiệp	Trà Bồng, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Ba Tơ	Trồng 10.300ha rừng, đào tạo tập huấn	2005-2015	2741/QĐ-BNN ngày 8/11/2011;	11.550	-	5.500	5.500	2.195	2.550			
	Dự án nhóm C													
3	Khí sinh học ngành chăn nuôi	Các huyện	4.449 hầm biogas	2007-2014	285/QĐ-UBND ngày 28/02/2013	2.551	-	403	403	259	259			
(2)	*Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015*					*123.984*	*0*	*15.312*	*15.312*	*32.846*	*30.955*			
	Dự án nhóm B													
4	Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2014-2018	1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	18.477	-	2.500	2.500	10.000	7.000			

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
								Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						*Trong đó:*		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*	
5	Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Minh Long, giai đoạn 2011 - 2020	Huyện Minh Long		2015-2020		7.000				2.000	2.000			
6	Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH CQ MT Dung Quất, giai đoạn 2011 - 2020	huyện Bình Sơn		2015-2020		7.000				2.000	2.000			
7	Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Trà Bồng, giai đoạn 2011 - 2020	huyện Trà Bồng		2015-2020		8.000				3.500	3.500			
8	Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Tây Trà, giai đoạn 2011 - 2020	Huyện Tây Trà		2015-2020		4.000				1.500	1.500			
9	Hỗ trợ xây dựng vườn ươm cây lâm nghiệp bằng phương pháp cấy mô	Huyện Tư Nghĩa		2015-2020		20.000				5.000	5.000			
III	**Hỗ trợ vốn đối ứng dự án ODA**					**237.865**	**0**	**51.215**	**21.215**	**54.536**	**53.000**			
*	**NGÀNH NÔNG NGHIỆP**					**138.085**	**0**	**21.215**	**21.215**	**35.300**	**33.764**			

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
						TMĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	Xây dựng cầu Trung Mỹ, huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	54m cầu, rộng 6m	2014-2015		13.500				1.500	1.500			
2	Đường La Hà đi Nghĩa Thuận	Tư Nghĩa	1,2 km đường, rộng 9m	2014-2016		10.000				800	800			
3	Đường Tân Hòa - Trũng Kè II-Trũng Kè I	Nghĩa Hành	7.085 m, đường rộng 6m	2013-2015	1197/QĐ-UBND 29/8/2013	33.773		6.000		4.886	4.886			
*	**Trả nợ công trình hoàn thành và các dự án nhỏ khác**									**8.000**	**8.000**			
IV	**Hỗ trợ Trung tâm giao dục lao động xã hội**					**5.600**	**5.600**			**5.000**	**5.000**			
	Các dự án khởi công mới năm 2015													
1	Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội (giai đoạn III)	TP.Quảng Ngãi	808 m2	2015	134/QĐ-SKHĐTT, 25/10/2011	5.600	5.600			5.000	5.000			
V	**Hỗ trợ mục tiêu y tế tỉnh huyện**					**497.000**	**248.500**	**66.000**	**46.000**	**125.000**	**30.000**			
(1)	*Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015*													
	Dự án nhóm B													

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
						TMĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TPQN	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	66.000	46.000	125.000	30.000			
VI	**Hỗ trợ Trụ sở xã**					**66.840**	**66.840**			**32.500**	**32.500**			
(1)	*Các dự án khởi công mới năm 2015*													
	Dự án nhóm C													
1	Trụ sở UBND xã Ba Lế		273m2			4.000	4.000			3.000	3.000			
2	Trụ sở xã Bình An		500m2			4.340	4.340			3.000	3.000			
3	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở xã Trà Thủy		300m2			4.000	4.000			3.000	3.000			
4	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở xã Trà Giang		300m2			4.000	4.000			3.000	3.000			
5	Trụ sở xã Sơn Nham		300m2			7.000	7.000			4.000	4.000			
6	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở xã Đức Phong		500m2			4.500	4.500			3.000	3.000			
7	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở xã Nghĩa Hòa		500m2			5.000	5.000			3.500	3.500			
8	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở xã Tịnh Minh		250m2			2.000	2.000			2.000	2.000			
9	Trụ sở xã Phổ Châu		380m2			4.000	4.000			3.000	3.000			
10	Trụ sở UBND thị trấn Châu Ổ		5764m2			28.000	28.000			5.000	5.000			

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
								Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						*Trong đó:*		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*	
3	Hệ thống điện sinh hoạt điểm TĐC Nước Cây Trường	Trà Sơn, Trà Bồng	1 công trình	2015		200	200			200	200			
4	Sửa chữa kè chống sạt lở điểm TĐC Nước Cây Trường	Trà Sơn, Trà Bồng	350m2	2015		1.100	1.100			1.100	1.100			
5	Đường dẫn vào khu TĐC Sơn Linh	Sơn Linh, Sơn Hà	1.000m	2015		3.600	3.600			3.600	3.600			
6	Đường dẫn vào khu TĐC An Chi	Hành Phước, Nghĩa Hành	1.200m	2015		3.600	3.600			3.600	3.600			
7	Đường nội vùng khu TĐC Gò Chực	Bình Minh, Bình Sơn	300m	2015		1.000	1.000			1.000	1.000			
8	Đường dẫn vào khu TĐC Gò Dũi	Bình Minh, Bình Sơn	2.000m	2015		4.100	4.100			4.100	4.100			
9	Giếng nước sinh hoạt điểm TĐC Gò Cây Mít	Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa	6 cái	2015		300	300			300	300			
10	Đường nội vùng điểm TĐC Gò Cây Mít	Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa	450m	2015		1.600	1.600			1.600	1.600			
11	Đường dẫn và đường nội vùng điểm TĐC Gò Bộ Đội	Bình Chương, Bình Sơn	1.100m	2015		2.200	2.200			2.200	2.200			

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
								Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						*Trong đó:*		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*	
12	Đường vào khu TĐC Hành Thịnh	Hành Thịnh, Nghĩa Hành	800m	2015		1.900	1.900			1.900	1.900			
II	**Chương trình Bảo vệ và phát triển rừng**					**85.500**				**25.000**	**25.000**			
	Các dự án khởi công mới năm 2015													
	Dự án nhóm C													
1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng PHĐN Thạch Nham, giai đoạn 2011 - 2020	Sơn Tây, Sơn Hà		2015-2020		20.000				5.000	5.000			
2	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Khu Đông Ba Tơ giai đoạn 2011 - 2020	Các xã khu Đông huyện Ba Tơ		2015-2020		7.000				2.000	2.000			
3	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Khu Tây Ba Tơ giai đoạn 2011 - 2020	Các xã khu Tây huyện Ba Tơ		2015-2020		7.500				2.500	2.500			
4	Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Sơn Tây, giai đoạn 2011 - 2020	huyện Sơn Tây		2015-2020		5.000				1.500	1.500			

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
						TMĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
5	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	Ba Tơ, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.800 ha; Bảo vệ 3.200 ha; Khoanh nuôi 3.300 ha; 80 km đường	2012-2021	1417/QĐ-UBND ngày 26/9/2012	42.756	-	5.812	5.812	10.296	9.955			
6	Dự án Quản lý Thiên tai	Mộ Đức, Đức Phổ	Đa mục tiêu	2012-2017	2113/QĐ-UBND ngày 30/12/2013; 2200/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	62.751	-	7.000	7.000	12.550	14.000			
*	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI					99.780	0	30.000	0	11.236	11.236			
(1)	*Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2014*					*42.507*	*0*	*24.000*	*0*	*4.050*	*4.050*			
	Dự án nhóm C													
	Cầu Sông Liên - Ba Cung	Ba Tơ	198 m cầu, 512,7 m đường	2013-2014	963/QĐ-UBND 28/6/2012	42.507		24.000		4.050	4.050			
(2)	*Dự án khởi công mới*					*57.273*	*0*	*6.000*	*0*	*7.186*	*7.186*			
	Dự án nhóm C													

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
								Lũy kế vốn đã bố trí đến 2014			Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó:*		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*	
VII	**Chương trình hỗ trợ hạ tầng thủy sản, giống, cây trồng, vật nuôi**					17.400	17.400			6.700	6.700	0	2.700	
	Các dự án khởi công mới năm 2015													
	Dự án nhóm C													
1	Cải tiến, nâng cao chất lượng giống bò thịt tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2014-2018	6 huyện đồng bằng		2014-2018	1335/QĐ-UBND ngày 19/9/2014	8.600	8.600			3.000	3.000			
3	DA hỗ trợ phát triển giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013 - 2016	Đức Hiệp, Mộ Đức		2013-2016	1614/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	8.800	8.800			3.700	3.700		2.700	
VIII	**Chương trình nhà ở cho người nghèo theo Quyết định 167**									60.000	60.000			

Biểu số 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW KẾ HOẠCH NĂM 2015 DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH TỶ LỆ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 4705/UBND-KTTH ngày 14 /10/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
	TỔNG SỐ					792.949	679.594	236.771	164.209	288.572	116.572	0	34.600	
I	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển					168.407	151.566	69.802	59.802	57.402	24.402		10.800	
(1)	*DA dự kiến hoàn thành năm 2015*					168.407	151.566	69.802	59.802	57.402	24.402		10.800	
a	*Dự án nhóm B*													
1	Đê kè Hòa Hà	Tư Nghĩa	4982m đê	2010-2015	1691/QĐ-UBND, 30/10/2009; 784/QĐ-UBND, 3/6/2011	168.407	151.566	69.802	59.802	57.402	24.402		10.800	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
II	**Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền**					**401.097**	**401.097**	**69.150**	**68.200**	**133.800**	**23.800**	**0**	**23.800**	
(1)	*DA dự kiến hoàn thành sau năm 2015*													
a	*Dự án nhóm B*													
1	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Đảo Lý Sơn	500 tàu có CS 400CV	2012-2016	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010	401.097	401.097	69.150	68.200	133.800	23.800		23.800	
III	**Hỗ trợ mục tiêu nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi các đảo đông dân cư**					**23.000**	**23.000**	**0**	**0**	**23.000**	**23.000**			
(2)	*Dự án khởi công mới năm 2015*													
	Dự án nhóm C													
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn giai đoạn 2	Đảo Lý Sơn	10.250m	2015-2016		15.000	15.000			15.000	15.000			

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
2	Bể chứa nước sản xuất nông nghiệp xã An Bình	Đảo Lý Sơn	Năng suất 300m^3/ ngày đêm	2015-2016		8.000	8.000			8.000	8.000			
IV	**Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch**					**200.445**	**103.931**	**97.819**	**36.207**	**74.370**	**45.370**			
(1)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành 2015***					***83.298***	***44.320***	***64.112***	***25.500***	***32.820***	***18.820***			
a	***Dự án nhóm B***													
1	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nối dài) thuộc hạ tầng KDL Mỹ Khê	Sơn Tịnh	3504m	2012-2015	1621/QĐ-UBND, 16/11/2010	83.298	44.320	64.112	25.500	32.820	18.820			
(1)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau 2015***					***117.147***	***59.611***	***33.707***	***10.707***	***41.550***	***26.550***			
a	***Dự án nhóm B***													
2	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)	H. Đức Phổ	4,2 km	2013-2017	1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	59.611	33.707	10.707	41.550	26.550			

Biểu số 3

KẾ HOẠCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW NĂM 2015
BỔ SUNG DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 4745/UBND-KTTH ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
	TỔNG SỐ					3.497.253	3.139.347	0	0	771.800	771.800	30.000	0	
I	Hỗ trợ đầu tư huyện mới tách									100.000	100.000			
	Dự án khởi công mới năm 2015													
1	Trung tâm chính trị - hành chính huyện Sơn Tịnh (mới)	Huyện Sơn Tịnh								50.000	50.000			
2	Đường trục chính trung tâm Nam - Bắc thị trấn Sơn Tịnh (mới)	Huyện Sơn Tịnh								50.000	50.000			
II	Hỗ trợ đầu tư Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020					806.043	685.137			142.800	142.800	30.000		
	Dự án khởi công mới năm 2015													

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
	Dự án nhóm B													
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020	toàn tỉnh	201,511km dây trung áp, 578,839km dây hạ thế và 146 trạm biến áp	2015-2020	896/QĐ-UBND 20/6/2014	806.043	685.137			142.800	142.800	30.000		
	Trong đó: Đầu tư cấp bách điện nông thôn					*168.000*	*142.800*			*142.800*	*142.800*	*30.000*		
III	**Hỗ trợ đầu tư huyện đảo Lý Sơn theo cơ chế đặc thù**					**1.299.210**	**1.299.210**	**0**	**0**	**212.000**	**212.000**			
	Dự án khởi công mới năm 2015													
1	Các tuyến đê huyện đảo Lý Sơn	Lý Sơn	5.446,12 m	2015-2020		905.000	905.000			100.000	100.000			Đã trình thẩm định vốn
2	Cảng Bến Đình	Lý Sơn	Tàu 1000DWT và tàu 200 ghế	2015-2019	1513/QĐ-UBND 01/11/2010	220.000	220.000			60.000	60.000			Đang trình thẩm định vốn
3	Nâng cấp tuyến đường cồn An Vĩnh-Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019		137.909	137.909			40.000	40.000			Đã trình thẩm định vốn

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
4	Đường trung tâm huyện – UBND xã An Hải	Đảo Lý Sơn	2.037,0 m			36.301	36.301			12.000	12.000			Đã trình thẩm định vốn
IV	**Hỗ trợ đầu tư theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP**					**1.240.000**	**1.003.000**	**0**	**0**	**230.000**	**230.000**			
	Các dự án khởi công mới năm 2015													
	Dự án nhóm B													
1	Khu neo đậu tránh trú bão Sa Huỳnh	Huyện Đức Phổ	800 tàu neo đậu, CS đến 1000CV	2015-2020		640.000	536.000			100.000	100.000			
2	Khu neo đầu tàu thuyền, cảng cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề Cửa Đại	thành phố QN	1000 tàu cá, CS 800CV	2015-2020		518.000	421.000			100.000	100.000			
3	Đầu tư vùng nuôi thủy sản tập trung trên biển Lý Sơn	Lý Sơn	20ha, 30 bè	2015-2016		82.000	46.000			30.000	30.000			
V	**Sửa chữa, đảm bảo an toàn hồ chứa**					**152.000**	**152.000**	**0**	**0**	**87.000**	**87.000**			
(2)	*Dự án khởi công mới năm 2015*													

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*	
	Dự án nhóm C													
1	Sửa chữa, nâng cấp HCN Liệt Sơn, huyện Đức Phổ	Huyện Đức Phổ	Tưới 2.500 ha	2015-2016		60.000	60.000			30.000	30.000			
2	Sửa chữa, nâng cấp HCN Hóc Sầm, huyện Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	Tưới 230 ha			21.000	21.000			12.000	12.000			
3	Sửa chữa, nâng cấp HCN Hóc Khế, huyện Sơn Tịnh	Huyện Sơn Tịnh	tưới 40ha	2015-2016		15.000	15.000			10.000	10.000			
4	Sửa chữa, nâng cấp HCN An Phong, huyện Bình Sơn	Huyện Bình Sơn	Tưới 110 ha	2015-2016		27.000	27.000			15.000	15.000			
5	Sửa chữa, nâng cấp HCN Ông Thơ, huyện Đức Phổ	Huyện Đức Phổ	Tưới 60 ha	2015-2016		15.000	15.000			10.000	10.000			
6	Sửa chữa, nâng cấp HCN Hóc Cơ, huyện Sơn Tịnh	Huyện Sơn Tịnh	Tưới 70ha	2015-2016		14.000	14.000			10.000	10.000			